

*Y, ngày 11 tháng 9 năm 2020*

Số: 84/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1987.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Phố D, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Điều 212, Điều 213; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Ngọc Minh Q, sinh ngày 15/7/2012 cho anh Bùi Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Giao cháu Bùi Tuấn D, sinh ngày 26/8/2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

\* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị M đều chưa yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Không có.

2.4. Về án phí: Anh Bùi Ngọc T tự nguyện nhận nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006113 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Nay anh T còn được hoàn trả lại 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. *Đã ký*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Vũ Hải Dương**

